

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1081/2022/DS-ST

Ngày: 07 - 4 - 2022.

Về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Chi.
- Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Số 1400 Đồng Văn Cống, phường Thạnh M Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 446/2019/TLST-DS ngày 20/12/2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 687/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1342/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A Đường số B, phường C, thành phố D, Thành phố E.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hải S, sinh năm 1968;

2.2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Số A Đường số B, phường C, thành phố D, Thành phố E.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: 668/29 Nguyễn Thị Định, phường Thanh M Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Ông Nguyễn Hải S, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số 06 Đường 14, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Nguyễn Hải S', sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Số 68 Đường 14, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Nguyễn Hải T, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Số 06 Đường 14, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Số 06 Đường 14, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Nguyễn Hải L, sinh năm: 1978;

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Nguyễn Thị Ngọc L (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2019).

3.7. Cháu Nguyễn Nhựt M, sinh ngày: 28/02/2012 (con ông N) có ông Nguyễn Văn N là đại diện hợp pháp.

Địa chỉ: 318 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Ông Nguyễn Văn D (đã chết ngày 12/02/2021).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D gồm: Bà Nguyễn Thị Lệ T, bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Hải S, ông Nguyễn Hải S, ông Nguyễn Hải S', ông Nguyễn Hải T, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Hải L, ông Nguyễn Văn N.

Các ông bà Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Hải S, Nguyễn Hải S', Nguyễn Hải T, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Hải S, Nguyễn Hải L (ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc L) đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Bà T là con của bà Võ Thị H và ông Nguyễn Văn D (ông D và bà H có đăng ký kết hôn ngày 17/7/1963). Quá trình chung sống, ông D và bà H có 09

người con gồm: Bà Nguyễn Thị Lệ T; sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1965; ông Nguyễn Hải S, sinh năm: 1967; ông Nguyễn Hải S', sinh năm: 1971; ông Nguyễn Hải T, sinh năm: 1973; bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1975; ông Nguyễn Hải L, sinh năm: 1978; ông Nguyễn Hải S, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981. S'u năm 1981, ông D đã bỏ nhà đi (hơn 40 năm) về Hậu Giang và chung sống với người khác.

Bà H chết ngày 10/11/2014, đến ngày 12/02/2021 thì ông D chết. Bà H có tài sản là nhà đất tại: 318 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 074636, số thửa 228, tờ bản đồ số 04 được Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 23/12/2004. Sau khi bà H chết, nhà đất trên do bà Nguyễn Thị Ngọc H quản lý đến năm 2018 thì bà H giao lại cho ông Nguyễn Văn N quản lý, sử dụng. Hiện tại việc thờ cúng bà H do em trai thứ 7 tên Nguyễn Hải T đảm nhận tại nhà của ông T.

Trước đây, T nguyện của bà H là chia đều nhà đất ở 318 Nguyễn Duy Trinh cho tất cả các con (bà H có 1 tờ giấy viết tay thể hiện T nguyện). Bà H chết không để lại di chúc nên bà T yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bà H để lại là nhà đất 318 Nguyễn Duy Trinh theo pháp luật. Bà T yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần thừa kế theo giá trị, tạm tính giá trị đối với phần bà T được hưởng là 200.000.000 đồng.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D có bà Nguyễn Thị Ngọc L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đối với yêu cầu chia thừa kế là nhà đất 318 Nguyễn Duy Trinh thì đây là tài sản riêng của bà H, do cha mẹ bà H để lại, không liên quan đến ông D. Ông D cũng không yêu cầu được chia nhà đất này vì ông cũng đã đi rất lâu rồi nên ông đồng ý để lại cho các con của ông.

Bị đơn ông Nguyễn Hải S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc L; ông Nguyễn Hải S, ông Nguyễn Hải S', ông Nguyễn Hải T, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Hải L (có bà Nguyễn Thị Ngọc L là diện theo ủy quyền) cùng thống nhất trình bày:

Các ông bà thừa nhận và thống nhất với ý kiến trình bày của bà T về quan hệ nhân thân, di sản thừa kế và đồng ý chia đều nhà đất trên cho các anh chị em theo quy định của pháp luật. Các ông bà xác định di sản thừa kế của bà H là nhà đất tại 318 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích còn lại là 60,2 m². Các bên đồng ý chia đều cho các đồng thừa kế theo giá trị. Đối với cha là ông D (chết ngày

12/02/2021), các ông bà thống nhất lời trình bày của bà T là khi ông D còn sống thì ông D không liên quan đến tài sản nhà đất này, không có công sức đóng góp, đã bỏ đi hơn 40 năm cho đến khi chết, nên ông D đồng ý chia đều cho các con.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N (đồng thời là đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn N M) vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đương sự và những người tiến hành tố tụng cũng như Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T, chia di sản là nhà đất tại 318 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh của bà H để lại cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

S'u khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà đất 318 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức nên tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 687/2022/QĐXXST-DS ngày 16/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1342/2022/QĐST-DS ngày 09/3/2022 cho bị đơn ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn N M tham gia phiên tòa ngày 09/3/2022 và ngày 07/4/2022 ông N và cháu M đều vắng mặt không có lý do.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N và cháu M.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T, bị đơn ông Nguyễn Hải S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Hải S, Nguyễn Hải S', Nguyễn Hải T, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Hải L (có bà L là diện theo ủy quyền) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét đơn xin vắng mặt của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật và việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về di sản thừa kế: Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 2 (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức) thì nguồn gốc nhà đất tại 318 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức do cha mẹ của bà H là cụ Võ Văn Dệt và cụ Trần Thị Dẻo để lại từ năm 1975. Năm 1990, bà H tự sửa chữa lại và đến năm 2003 thì bà H nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Ngày 23/12/2004, Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số AB 074636 (sổ vào sổ H 00092) cho bà Võ Thị H; thửa đất số 228, tờ bản đồ số 4 (sơ đồ nền); diện tích 88,3 m². Ngày 16/7/2009, bà H lập hợp đồng bán cho ông Nguyễn Bình Thân và bà Nguyễn Thị Định Nga phần nhà đất diện tích 20,4 m².

Căn cứ Tờ cam kết tài sản riêng ngày 17/12/2004 có xác nhận của ban áp và Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây thì nhà đất 318 Nguyễn Duy Trinh là tài sản riêng của bà H. Bên cạnh đó, ông D cũng có ý kiến đồng ý xác nhận tài sản này là tài sản riêng của mình bà H, không liên quan gì đến ông D nên ông D không có yêu cầu gì đối với nhà đất này.

Như vậy, có cơ sở xác định nhà đất tại 318 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích còn lại là 60,2 m² (Bản vẽ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung T đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/01/2022) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 074636 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 23/12/2004 là di sản thừa kế của bà Võ Thị H. Các đương sự thống nhất không tranh chấp, yêu cầu chia đối với diện tích khác trong giấy chứng nhận.

[2.2] Về những người thừa kế: Căn cứ Giấy chứng tử số 73, Quyền số 01/2014 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2 cấp ngày 11/11/2014 thì xác định bà Võ Thị H chết ngày 10/11/2014. Bà H chết không để lại di chúc nên di sản của bà H để lại được chia theo pháp luật. Tại thời điểm mở thừa kế (ngày 10/11/2014), căn cứ khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của bà H gồm chồng và 09 người con, cụ thể: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Lệ T; bà Nguyễn Thị Ngọc L; ông Nguyễn Hải S; ông Nguyễn Hải S'; ông Nguyễn Hải T; bà Nguyễn Thị Ngọc H; ông Nguyễn Hải L; ông Nguyễn Hải S và ông Nguyễn Văn N. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn D đã có ý kiến không tranh chấp đối với di sản thừa kế và đồng ý chia phần di sản của mình được hưởng cho các con. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định di sản của bà Võ Thị H để lại sẽ được chia theo pháp luật cho 09 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

[2.3] Phân chia di sản: Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 28/7/2020 thì giá đất trong lộ giới có đơn giá là: 60.000.000 đồng/m²; đất ngoài lộ giới có giá 120.000.000 đồng/m². Giá trị công trình xây dựng trên đất là 2.031.338 đồng/m².

Như vậy, tổng giá trị của di sản là: {58.2 m² (đất trong lộ giới) x 60.000.000 đồng + 2m² (đất ngoài lộ giới) x 120.000.000 đồng} + 122.286.548 đồng (giá trị căn nhà) = 3.854.286.548 (ba tỷ, tám trăm năm mươi bốn triệu, H trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi tám) đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau*”. Các đương sự đều thống nhất chia di sản bằng giá trị và không ai có yêu cầu nhận nhà đất bằng hiện vật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, di sản thừa kế được chia cho 09 đồng thừa kế, mỗi người nhận 1 suất thừa kế bằng nhau và bằng 1/9 giá trị di sản là: 3.854.286.548 đồng : 9 = 428.254.061 (bốn trăm H mươi tám triệu, H trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm sáu mươi một) đồng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận không có ai bỏ chi phí giữ gìn, tôn tạo sửa chữa hoặc công sức đóng góp gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Qua xem xét thẩm định tại chỗ và căn cứ kết quả xác minh tại Công an phường Bình Trưng Tây thì trên nhà đất số 318 Nguyễn Duy Trinh hiện có ông Nguyễn Văn N và cháu Nguyễn N M đang cư ngụ.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng trên giá trị di sản được hưởng.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn đã nộp và tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 623, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T:

1.1. Xác định di sản thừa kế của bà Võ Thị H để lại là nhà đất có diện tích 60,2 m² (tại vị trí (2), (2a) theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh số hợp đồng 10043/TTĐĐBĐ-VPQ2 do Trung T đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/01/2022) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 074636, số thửa 228, tờ bản đồ số 04 được Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 23/12/2004 tại địa chỉ: 318 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị H gồm có các ông bà: Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Hải S, Nguyễn Hải S', Nguyễn Hải T, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Hải L, Nguyễn Hải S, Nguyễn Văn N.

1.3. Chia di sản thừa kế của bà H theo pháp luật: Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị H được hưởng 1 suất thừa kế bằng nhau và bằng 1/9 giá trị di sản tại thời điểm tuyên án là: 428.254.061 (bốn trăm H mươi tám triệu, H trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm sáu mươi một) đồng.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các đồng thừa kế có quyền nhận giá trị bồi thường khi phần di sản được bồi thường theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm

quyền phát mại di sản thừa kế để chia cho mỗi đồng thừa kế theo tỷ lệ mỗi người được hưởng 1/9 giá trị di sản tại thời điểm phát mại. Các đồng thừa kế có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc ông Nguyễn Văn N phải giao nhà đất để thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.130.162 đồng (H mươi một triệu, một trăm ba mươi nghìn, một trăm sáu mươi H) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027160 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T còn phải nộp thêm 16.130.162 đồng (mười sáu triệu, một trăm ba mươi nghìn, một trăm S'u mươi H) đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Hải S, ông Nguyễn Hải S', ông Nguyễn Hải T, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Hải L, ông Nguyễn Hải S, ông Nguyễn Văn N, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.130.162 đồng (H mươi một triệu, một trăm ba mươi nghìn, một trăm sáu mươi H) đồng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc